

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v bổ sung dự toán kinh phí năm 2022 cho Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Quy Nhơn để thực hiện miễn, giảm học phí học kỳ I năm học 2021 - 2022

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư 36/2017/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2017 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội về Danh mục ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 50/2021/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 của UBND tỉnh về việc tiếp tục thực hiện mức thu học phí năm học 2021-2022 như năm học 2020-2021 theo Quyết định số 55/2015/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh về việc quy định mức thu học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 4950/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 236/STC-TCHCSN ngày 24/01/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung dự toán kinh phí năm 2022 cho Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Quy Nhơn, với tổng số tiền **3.932.480.000 đồng** (Ba tỷ, chín trăm ba mươi hai triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng) để thực hiện miễn, giảm học phí học kỳ I năm học 2021 - 2022.

(Chi tiết như Phụ lục kèm theo).

Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề chò phân bổ trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2022.

Điều 2. Giao Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Quy Nhơn có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích và thực hiện thanh quyết toán kinh phí nêu trên theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước; đồng thời rà soát, xét duyệt đảm bảo đối tượng được hưởng chính sách theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Quy Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT Lâm Hải Giang;
- Sở Lao động-TB&XH;
- PVP VX;
- Lưu: VT, K20.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

ĐVT: đồng

TT	Chỉ tiêu	Tổng kinh phí cấp bù miễn giảm học phí kỳ I năm học 2021-2022 (5 tháng)		Mức miễn giảm	Học kỳ 1 năm học 2021-2022 (5 tháng)					
		Đối tượng	Kinh phí		Trung cấp nghề			Cao đẳng nghề		
					Số đối tượng	Mức học phí bq/ tháng	Thành tiền	Số đối tượng	Mức học phí bq/ tháng	Thành tiền
A	B	1=4+7	2=6+9	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG CỘNG		3.932.480.000		726		2.928.560.000	302		1.003.920.000
1	Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng theo Pháp lệnh ưu đãi người có công	Theo điểm 1 Điều 15 Nghị định 81/2021/NĐ-CP	31.700.000	100%	2	820.000	8.200.000	5	940.000	23.500.000
2	Người học các trình độ trung cấp, cao đẳng mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp	Theo điểm 2 và 3 Điều 15 Nghị định 81/2021/NĐ-CP	8.800.000	100%	1	820.000	4.100.000	1	940.000	4.700.000
3	Học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	Theo điểm 12 Điều 15 Nghị định 81/2021/NĐ-CP	27.000.000	100%	2	820.000	8.200.000	4	940.000	18.800.000
4	Người tốt nghiệp THCS học tiếp lên trình độ trung cấp (không gián đoạn thời gian)	Theo điểm 17 Điều 15 Nghị định 81/2021/NĐ-CP	2.787.600.000	100%	680	820.000	2.787.600.000	0		-
5	Người tốt nghiệp THCS học tiếp lên trình độ trung cấp (không gián đoạn thời gian)	Theo điểm 17 Điều 15 Nghị định 81/2021/NĐ-CP	12.500.000	100%	5	500.000	12.500.000	0		-
6	Người tốt nghiệp THCS học tiếp lên trình độ trung cấp (không gián đoạn thời gian)	Theo điểm 17 Điều 15 Nghị định 81/2021/NĐ-CP	27.600.000	100%	8	690.000	27.600.000	0		-
6	Học sinh, sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	Theo điểm 2a Điều 16 Nghị định 81/2021/NĐ-CP	9.400.000	50%	0	820.000	-	4	940.000	9.400.000
7	Đối tượng sinh viên là dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số ít người) ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn	Theo điểm 1c Điều 16 Nghị định 81/2021/NĐ-CP	13.160.000	70%	0	820.000	-	4	940.000	13.160.000
8	Học sinh, sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với giáo dục nghề nghiệp theo danh mục các nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định	Theo điểm 1b Điều 16 Nghị định 81/2021/NĐ-CP	1.014.720.000	70%	28	820.000	80.360.000	284	940.000	934.360.000